

Tính cách người nông dân Nam bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

- Ths Huỳnh Thị Lan Phương -

(Bài đã đăng trên *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ,
số 12/2009; trang 153- 161)

1. Đặt vấn đề:

Không gian và thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh chủ yếu là vùng đất Nam bộ đầu thế kỉ XX. Viết về cuộc sống và con người Nam bộ, Hồ Biểu Chánh đặc biệt chú ý đến đối tượng người nông dân. Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, lại có sự quan tâm đến quần chúng lao động khổ khó, cho nên dù ở cương vị của một ông Đốc phủ sứ, Hồ Biểu Chánh vẫn luôn thấu hiểu, cảm thông đối với những con người chân lấm tay bùn, quanh năm bám chặt với ruộng đồng. Ông không chỉ nhận ra những bất công mà người nông dân đang phải gánh chịu, cũng không chỉ dừng lại ở sự chia sẻ trước những thân phận bé nhỏ chịu nhiều áp bức, khổ đau. Hồ Biểu Chánh đã phát hiện và đề cao những nét đẹp từ tính cách của người nông dân Nam bộ. Thể hiện thành công tính cách người nông dân Nam Bộ là đóng góp mới của Hồ Biểu Chánh cho nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại ở buổi đầu phôi thai.

Đề cập đến tính cách người nông dân Nam bộ chính là tìm hiểu tính cách chung của một loại nhân vật, nhân vật tiêu biểu nhất của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Khái niệm tính cách được hiểu là những đặc điểm, những phẩm chất của nhân vật được thể hiện tương đối rõ nét. Tính cách thể hiện nét riêng độc đáo của con người cá biệt, cụ thể nhưng lại mang cái chung, tiêu biểu cho nhiều người ở một mức độ nhất định. Đồng thời nó có một quá trình phát triển hợp với logic cuộc sống. Tìm hiểu tính cách của người nông dân Nam bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh tất nhiên phải đặt trong mối quan hệ với hoàn cảnh xã hội Nam bộ trước và sau thế chiến lần thứ nhất. Một xã hội đen tối, đầy phức tạp, biến động. Chính hoàn cảnh sống là một trong những nhân tố tạo thành tính cách. Tính cách của người nông dân Nam bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh được khẳng định dần trong hoàn cảnh sống cụ thể nói trên.

2. Nội dung chính:

Qua tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, hình ảnh người nông dân Nam bộ hiện lên rất rõ nét, với đủ các tính cách vốn có.

2.1. Cần cù nhẫn nại:

Nông dân Nam bộ vốn là dân "*tít chiếng*". Họ phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để tìm nơi "*đất lành chim đậu*". Đến vùng đất phương Nam còn nhiều hoang sơ này, từ buổi đầu lập nghiệp, họ đã phải đổ bao công sức để có được điều kiện định cư. Chính họ đã biến nơi sinh lầy nước đọng "*khỉ ho, cò gáy*" thành những cánh đồng phì nhiêu "*cò bay thẳng cánh*". Nam bộ đã trở thành vựa thóc lớn của cả nước. Phẩm chất cần cù nhẫn nại là một điều kiện phải có và được phát triển dần theo lịch sử khai khẩn và phát triển

vùng đất Nam bộ. Người dân đến đây cần và biết nương tựa vào nhau để sống. Họ sống với quan niệm "có làm, có ăn". Họ phải chấp nhận mọi gian nan thử thách để giành lấy sự sống. Quan sát tỉ mỉ những sinh hoạt lao động của người nông dân, Hồ Biểu Chánh đã chứng minh phẩm chất cần cù của họ bằng hình ảnh thật sống động, cụ thể: "Lối 11 giờ trưa, trời nắng như đổ lửa, phân thì lặng trang không có một chút gì, phân thì ruộng đã cạn nước hết rồi, bởi vậy người đi đường nóng nực vô cùng, còn nói chi những kẻ gặt hay là cộ lúa, họ lấy làm khổ hết sức" (Con nhà nghèo, trang 66). Làm việc trong một điều kiện khó nhọc như thế mà họ chẳng từ nan. Đối với họ, gian nan khổ cực không phải là chuyện đáng ngại. Họ vui vẻ với công việc khó nhọc "mới đâu canh tư, tiếng còi túc nghe đều tứ hướng, ấy là còi của chủ điền kêu công gặt dậy sớm nấu cơm. Lối nửa giờ, theo mấy bò mẩu, thấy người ta đi có hàng, ấy là bọn công gặt đi về, đàn bà chen lộn với đàn ông, người nào cũng vui cười hớn hở." (Cha con nghĩa nặng)

Phải đối mặt với cảnh nghèo khó, lo toan, người nông dân dường như không còn dám mơ ước hay đeo bông cao sang. Họ tập trung vào lao động để kiếm sống. Đôi khi cuộc sống của họ có chút gì đó "côi cút", lặng lẽ đến tội nghiệp. Anh Trần Văn Sửu "đâu canh tư thức dậy lọ mọ nấu một nồi cơm ăn phân nửa còn phân nửa thì đem theo... Vai mang vòng hái, tay xách gói cơm, dõ cửa nhẹ bước ra sân mà đi." (Cha con nghĩa nặng) Quanh năm người nông dân phải tất bật với công việc. Hết việc trên ruộng mình đã thuê, lại tiếp tục đi làm thuê cho người khác. Cuộc sống chật vật không cho phép họ ngồi không. Họ thường suy nghĩ một cách đơn giản, chân chất: "Ở nhà thì uổng lấm" (Cha con nghĩa nặng). Thế nhưng, từ trong sự chân chất ấy lại nổi rõ một đức tính cao quý: chịu cực, chịu khó, ham làm. Hồ Biểu Chánh không diễn giải hay minh họa dài dòng. Ông đã biết khéo chọn những chi tiết đời thường nhưng lại tiêu biểu, hay sử dụng lời văn kể thật tự nhiên để gọi lên đúng tính cách của con người vùng đồng bằng sông nước phương Nam. Tuy ruộng đồng phì nhiêu, tôm cá đầy sông nhưng họ luôn biết ý thức: "Muốn ăn cá phải thả câu", không thích chờ thời hay ỷ lại, cho nên càng không để lãng phí thời gian lao động. Nhờ cần cù mà anh nông dân Lê Văn Đố (Ngọn cỏ gió đùa) từ thân phận đối nghèo đã trở thành một cự phú, còn được phong chức thiên hộ. Khi mới ra tù, anh ta không có gì trong tay, lang thang khắp nơi xin được bố thí từng chén cơm mà cũng không có. Sau lần gặp hoà thượng Chánh Tâm, được giúp đỡ một ít vốn, anh ta đã "vớ rừng đốn cây lá cắt một cái chòi nhỏ ở mà làm ruộng". Sự cần cù lao động đã nâng đỡ đôi chân anh, giúp anh bước ra khỏi cuộc sống lầm than.

Cần cù và nhẫn nại, đó là hai phẩm chất thường đi đôi với nhau. Người nông dân Nam bộ không chỉ biết chịu thương chịu khó mà còn có tính kiên trì và dám làm. Nhiều người khẳng định tính hào phóng của con người Nam bộ và quan niệm điều kiện địa lí tự nhiên ở Nam bộ nhiều thuận lợi, do đó tính hào phóng càng có cơ hội để phát triển. Cũng vì thế, dân Nam bộ ít có sự nhẫn nại trước thử thách của cuộc sống bằng người dân xứ Trung và Bắc. Điều này không hẳn là đúng. Phóng túng, một chút tự tại, ít lo xa, đó là cá tính dễ tìm thấy ở con người Nam bộ. Nhưng bên cạnh đó, trong họ lại tiềm tàng một đức tính gan dạ, dũng cảm, lòng quyết tâm và một chút phiêu lưu

mạo hiểm nếu không nói là liều. Họ đã quyết tâm thì làm cho bằng được, chấp nhận mọi thử thách, đã quyết thực hiện điều gì thì "trời gấm không nhả". Họ cần cù, chịu khó ngẫu nhiên và có cả sự liều lĩnh. Hoàn cảnh sống nơi đây đã đưa đẩy họ vào cái thế ấy. Bởi trong họ luôn có tâm lí: đến đây đã là sơn cùng thủy tận. Họ không có gì để mất, càng kiên nhẫn sẽ được nhiều hi vọng hơn. Đây cũng là những lí do giúp chúng ta hiểu vì sao mất mùa lúa này Cai tuần Bưởi (Con nhà nghèo) vẫn không nản chí "lãng xăng mua giống mạ, muốn trâu cày..." làm tiếp, chờ đợi mùa sau sẽ có kết quả tốt hơn. Người nông dân trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thường có suy nghĩ: "Chịu cực khổ sĩ nhục kiếp này, đặng kiếp sau được an nhàn sung sướng." (Ngọn cỏ gió đùa). Nếu không thì cũng vì "túng thế" nên phải đương đầu với thử thách, một phen làm liều "mở rình làm ruộng" để mong đổi đời. Mặc cảm "Mình nghèo lo làm ruộng mà ăn" (Ngọn cỏ gió đùa, trang 68) đã kéo người nông dân vào công việc sản xuất. Dần dần họ trở nên gấn bó, thủy chung với nó dù phải chịu lắm gian nan, nhiều thử thách.

2.2. Trọng nghĩa khinh tài:

Hồ Biểu Chánh là một nhà văn đề cao đạo lí, đạo lí nhân nghĩa ở đời. Một kiểu đạo lí rất Nam bộ: "Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã". Trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh phổ biến kiểu nhân vật "trọng nghĩa khinh tài". Họ là những con người "giữa đường thấy chuyện bất bằng chẳng tha". Dù nghèo khó, quanh năm đói rách, miếng cơm ăn chẳng đủ no, áo mặc chưa đủ ấm nhưng họ vẫn sẵn sàng cứu mang giúp đỡ những người khốn khổ hơn mình. Ông Sáu Thời, Lê Văn Đố trong "Ngọn cỏ gió đùa"; Hương sư Cu trong "Con nhà nghèo"; bà Ba Thời trong "Cay đắng mùi đời"; bà lão nông dân, người giúp Thủ Nghĩa thoát đói và có chỗ tá túc lúc mới vượt ngục trong "Chúa tàu Kim Quy" ... đều là những con người làm việc nghĩa một cách tự nguyện, tự giác, không màng lợi lộc, không đòi hỏi sự đền đáp. Người nông dân Nam bộ vốn xuất thân từ nghèo khổ, di cư vào Nam cũng là liều mình đi tìm đất sống. Cho nên bên cạnh việc có sẵn truyền thống đoàn kết của dân tộc, họ càng thương yêu đùm bọc nhau hơn, giúp đỡ nhau tạo dựng cuộc sống, nhất là trong một hoàn cảnh mới lạ, đầy khó khăn. Họ thường kết nghĩa với nhau, sống chết có nhau, thương yêu nhau một cách lạ lùng. Lại cũng vì họ là những con người lâm vào hoàn cảnh bế tắc, phải ra đi tìm đất sống trong muôn ngàn cái chết, cho nên họ rất chuộng nghĩa khí, quý trọng tình bạn bè, tình huynh đệ, giang hồ nghĩa hiệp, coi khinh tiền tài, sẵn sàng xả thân vì nghĩa. Lê Văn Đố thấy cảnh một người già yếu đang chơi vui giữa dòng nước, thì không còn biết ái ngại sông to gió lớn, một mình bơi xuống ra giữa dòng nước hiểm nguy để cứu sống ông Sáu Thời thoát được nạn. Lê Văn Đố cũng từng lên tiếng bênh vực che chở cho Lý Ánh Nguyệt, một cô gái yếu đuối bị kẻ xấu hãm hại; Hương sư Cu (Con nhà nghèo) là một thanh niên nghèo mà biết sống vì nghĩa, đã dang tay che chở cho cuộc đời của cô Tư Lựu... Việc nghĩa mà người nông dân trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thường làm là những việc rất bình thường nhưng có nhiều ý nghĩa, không phải ai cũng có thể làm được. Có thể đó chỉ là hành động "lật đật vô buồng bưng rá cơm nguội ra thì còn được vài chén... Trỏ vô mớ ít con mắm lóc nhỏ đem ra cho Thủ Nghĩa ăn" (Chúa tàu Kim Quy) của một bà lão

nông dân hay việc lấy 20 đồng bạc dành dụm để mua thuốc cứu cô Tư Lụa của anh Hương sư Cu (Con nhà nghèo). Cũng có khi đó lại là một việc làm rất cao cả, thể hiện tấm lòng bao dung nhân ái của con người Nam bộ. Bà ba Thời trong tác phẩm “Cay đắng mùi đời”, hoàn cảnh gia đình cũng nghèo khó, chồng lại bỏ đi biên biệt, sống tro tro một thân một mình. Thế mà bà đã mang một đứa trẻ về nuôi, bởi bà không thể làm ngơ trước một đứa bé ngây thơ vô tội bị vứt bỏ quá nhẫn tâm như thế. Cũng vì nuôi đứa bé ấy mà bà phải nhận lấy những lời xỉ vả, nghi ngờ của chồng. Anh Hương sư Cu (Con nhà nghèo) còn là một thanh niên có trái tim cao thượng, biết cô Tư Lụa đã không còn trong trắng nhưng anh ta đã rộng lòng tha thứ, cưới về làm vợ, cưới mang cả đứa con bị bỏ rơi của cô Tư Lụa. Tình cảm cha con của anh Cu thật cao đẹp, nó được chan hoà trong chữ nghĩa, nó được hun đúc từ lòng nhân ái, được nuôi dưỡng bởi sự bao dung. Vì thế, không gì có thể lay chuyển được.

Nông dân Nam bộ thường lấy “đạo nghĩa” làm phương châm sống và hành động. “Đạo” ở đây được hiểu là ăn ở cho phải đạo, hợp lẽ phải ở đời. Còn “nghĩa” là nghĩa khí, là ăn ở thuỷ chung, dám xả thân vì việc lớn, không ỨC HIẾP người thế cô, không phân biệt sang hèn trong cách ứng xử. Biết đạo nghĩa thì mọi tranh chấp đều có thể được giải quyết trong quan hệ anh em, bè bạn, không cần sự can thiệp của luật pháp nhà nước. Về cơ bản, những người trọng đạo nghĩa lấy nghĩa khí để đả đấu nhau, đã dám làm thì dám chịu, không chấp nhận để người khác lãnh thay trách nhiệm của mình. Tính cách này có thể nhận thấy nơi Lê Văn Đố (Ngọn cỏ gió đùa), anh ta dũng cảm nhận mình là Lê Văn Đố, tên tù bị truy nã. Bởi vì anh không muốn một người khác chịu tội oan ức, nhận hình phạt thay cho mình. Dẫu biết rằng ra nhận tội là đến với trăm điều cay đắng khổ nhục, là bỏ lại tất cả sản nghiệp mà mình đã dày công xây dựng bấy lâu mới có được, là không còn cơ hội để thực hiện lời hứa với Ánh Nguyệt, sẽ cưới mang Thu Vân... Xem như cuộc đời của anh không còn gì.

Hành động của nhân vật là phương tiện quan trọng để thể hiện tính cách nhân vật. Hồ Biểu Chánh có sự chú ý miêu tả hành động nhân vật. Mặc dù nhà văn còn giữ thói quen truyền thống, miêu tả hành động theo trình tự thời gian nhưng vẫn tạo nên được nét riêng. Nhân vật người nông dân trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh không chỉ hành động *theo nghĩa* mà còn *vì nghĩa*. *Vì nghĩa* mà đấu tranh chống lại những gì mang tính bất nghĩa. Viết về con người Nam bộ, những con người có tính khảng khái, không chịu cúi lòn, thì không thể thiếu những hành động quyết liệt, tuy có phần hung hăng nhưng minh bạch: đánh gãy tay tên nhà giàu dâm dục, háo sắc (Thủ Nghĩa đánh Tấn Thân – Chúa tàu Kim Qui); rạch mặt kẻ có tiền mà “*chuyên đi phá danh giá của con nhà nghèo*” (Ba Cam rạch mặt cậu hai Nghĩa – Con nhà nghèo). Khi cần phải ra tay để trừng trị gian ác, người *vì nghĩa* không biết sợ gì cả. Đối với họ, cái nghĩa phải làm là trên hết. Nếu được làm việc nghĩa mà phải nhận lấy sự thiệt thòi cho mình, họ vẫn vui vẻ chấp nhận. Hạnh phúc được sống hết mình cho cái nghĩa ở đời đã khiến họ dám làm tất cả. Đôi khi họ cũng liều nhưng liều mà vẫn tỏ ra vẻ hiên ngang thách thức trước cái xấu,

người xấu. Ba Cam (Con nhà nghèo) từng tuyên bố: *"Qua rửa nhục cho em mà qua ở tù, thì qua vui lòng lắm, không hại chi đâu mà sợ"*.

Đối với người nông dân Nam bộ, chữ *"nghĩa"* không được hiểu một cách chung chung, trừu tượng, khô cứng như chữ *"nghĩa"* của Nho giáo, nó được giải thích một cách cụ thể, hàm chứa cái gần gũi, mà cũng được ứng dụng phổ biến. Nó không chỉ thể hiện trong mối quan hệ giữa người với người, mà còn ở những mối quan hệ khác. Nó có thể toát lên từ tình cảm gắn bó thủy chung với xóm làng, mảnh vườn, thửa ruộng hay công việc lao động sản xuất vốn đã quen thuộc đối với người nông dân. Người nông dân Nam bộ quen dãi dàu mưa nắng nơi ruộng đồng. Cuộc sống lam lũ với nhiều lo toan ở làng quê đã trở thành máu thịt đối với họ. Giữa họ với cuộc sống ấy dường như rất nặng *"nghĩa tình"*. Cho nên, khó lòng mà chia cắt được. Những con người *"khinh tài"* ấy không dễ gì bị cám dỗ trước vật chất xa hoa hay tiện nghi nơi thị thành. Nhân rồi, thanh thoi chưa hẳn là cuộc sống hạnh phúc đối với họ, nếu buộc họ phải xa rời những tập tục, thói quen lâu đời. Họ sẽ lúng túng, đau khổ đến tội nghiệp khi phải thay đổi cách sống, phải từ bỏ ruộng vườn, phải chia tay với công việc sản xuất... Anh Hương sư Cu trong *"Con nhà nghèo"* là một trường hợp tiêu biểu: *"Cu sinh trưởng trong chốn thôn quê, hồi nhỏ cõi trâu hay, đến lớn cầm cày giỏi, từng quen nhổ mạ, gặt lúa, tát nước, đắp bờ, chớ không quen cầm chổi quét nhà, chặm giẻ lau gạch"*. Do đó, *"Cu không thể nào giúp việc tại nhà giấy được"*. Cu cảm thấy mình không thể *"phụ tình"* với làng quê để thích nghi cuộc sống nơi thị thành; không thể bỏ cái cày, cái cuốc để cầm giấy, bê mực *"Từ nhỏ chí lớn em quen nghề làm ruộng, làm như trên này em làm không được. Em ở ngoài đồng dãi nắng dầm mưa, thuở nay quen rồi, bây giờ làm ở trong tù túng chật hẹp, bịt hơi gió em chịu không nổi. Em muốn xin với anh ba cho em trở về đồng dựng kiếm ruộng mướn mà làm"*. Không chỉ nặng *nghĩa*, ta còn có thể nhận thấy nơi đây nét phóng túng của người nông dân Nam bộ: thích sống cuộc đời thanh thản tự do ở ruộng đồng hơn là phải bon chen hơn thua ở chốn đô thị. Điều kiện tự nhiên và sinh hoạt của kinh tế nông nghiệp đã tạo nên tính cách phóng túng ấy. Nông dân Nam bộ ít bị câu thúc bởi những thiên kiến nặng nề cổ hủ của tư tưởng phong kiến. Sản xuất nhỏ, phân tán đã dẫn đến cách làm ăn sinh sống tùy tiện, đúng hơn là theo sở thích cá nhân, dần dần đã tạo cho người nông dân cá tính tự do, ghét sự tù túng, ràng buộc chặt chẽ.

2.3. Bộc trực, thẳng thắn:

Bộc trực thẳng thắn là tính cách tiêu biểu của con người Nam bộ, nhất là người nông dân Nam bộ. Nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh ít có diễn biến tâm lý phức tạp hay trăn trở, giằng xé nội tâm. Hồ Biểu Chánh chú ý miêu tả ngoại hình, cử chỉ, hành động, nhất là ngôn ngữ của nhân vật đã thể hiện thành công tính cách bộc trực thẳng thắn của con người Nam bộ. Thông qua cách nói hay nội dung lời nói, có thể nhận ra tính cách của con người. Nông dân Nam bộ bộc trực thẳng thắn do đó nói năng ít văn chương, rào đón. Họ nghĩ sao nói vậy, *"nói thẳng ruột ngựa"*, không thích che đậy giấu giếm. Cho nên mới có câu *"Ruột để ngoài da"*. Nhận biết Vĩnh Thái (Khóc thầm) xảo quyệt, mưu mô, có nhiều thủ đoạn để bóc lột, cướp công của người nghèo, thẳng

Mau đã không ngần ngại phân tích tỉ mỉ cho bạn nó nghe: *"Dưỡng gặt gao, ác độc lắm, không biết thương ai hết. Dưỡng tính việc nào thì dưỡng cũng muốn giết con nhà nghèo. Phải mà hôm qua anh nghe dưỡng nói chuyện với tá thổ thì anh mới ghê. Cô Hai tử tế, cô gặp thằng chồng gì bấp trâm quá như vậy không biết."* (Khóc thắm).

Tính cách bộc trực, thẳng thắn cũng được Hồ Biểu Chánh tập trung thể hiện qua nhân vật Thị Tố trong tác phẩm "Con nhà nghèo". Bất bình trước việc làm thất đức của cậu Hai Nghĩa, Thị Tố khác hẳn với chồng, âm thầm chịu đựng nhục nhã, chị ta quyết liều một phen đến nhà bà Cai vạch tội cậu Hai Nghĩa, còn dám thốt ra những lời khẳng khái: *"Tao chứ phải ai hay sao. Tao sợ là sợ người phải kia, chớ người như vậy tao để sợ đâu. Giàu thì giàu chứ có phép nào mà giết người ta được hay sao."* (Con nhà nghèo). Hồ Biểu Chánh đã khéo léo đặt vào cửa miệng nhân vật những lời nói thật tự nhiên, thể hiện đúng tính cách của người phụ nữ nông dân Nam bộ. Sự áp bức nặng nề của kẻ giàu có, nhiều thế lực không thể làm thay đổi tính cách ấy ở người phụ nữ nông dân này. Đến lúc đã bị đuổi, không còn chốn nương thân, không có ruộng để canh tác, chị ta vẫn thẳng thắn bảo cùng chồng: *"Không cần gì, ở đây không được thì lên trên Bình Phú Tây mà ở, họ giỏi họ theo lên đó họ đuổi được nữa, tôi mới sợ."* (Con nhà nghèo).

Có nhà nghiên cứu cho rằng Nam bộ sông rạch chằng chịt, ruộng đồng bao la, nếu không chịu nổi sự áp bức, thống trị của quan lại hay địa chủ thì người nông dân chỉ cần xuống ghe thuyền đi tìm một miền đất hứa khác. Đầm lầy, ruộng hoang còn thiếu gì, sẵn sàng đón nhận người đến vỡ đất lập nghiệp. Do đó, nông dân Nam bộ sẽ không "chịu trận" như chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố. Cũng vì thế mà nông dân Nam bộ thường có tính khẳng khái, bộc trực, ít chịu luồn cúi và kém thủ đoạn. Giận thì nói ngay, có tính lửa rơm, có khi cũng rất hung hăng nhưng rồi cơn giận sẽ cuốn đi theo sông nước ruộng đồng bao la.

Theo quan niệm của Hồ Biểu Chánh, người nông dân cũng có kẻ vầy người khác. Trong một gia đình, Cai tuần Bưởi thì cam chịu, nhẫn nhục không muốn phản kháng, sợ gây thêm họa lớn. Nhưng vợ và em trai của Cai tuần Bưởi thì khác hẳn. Nghe chuyện Tư Lự bị cậu Hai Nghĩa cưỡng ép rồi bỏ rơi, Ba Cam không thể kiềm nén được cơn giận, đón đường cậu Hai Nghĩa hỏi tội, rồi rạch mặt cậu Hai Nghĩa. Lập luận của Ba Cam rất dứt khoát và khẳng khái: *"Tôi muốn ghi trên mặt nó vài cái sẹo cho thiên hạ hể ngó thấy thì nhớ nó là đứa chuyên đi phá danh giá của con nhà nghèo, đừng tránh nó mà thôi."* (Con nhà nghèo). Anh ta đã giải thích một cách thật thà nhưng dứt khoát về việc làm của mình: *"Đội trời đất hại, đội biết chừng nào mới có. Thà tôi làm phúc một cái cho nó tồn. Toà có đày tôi đi nữa, tôi cũng cam tâm"*. Nhân vật Ba Cam đã thể hiện rõ thái độ không chịu cúi đầu trước thế lực bạo tàn của người nông dân Nam bộ: *"Không phải liều mạng. Quán giàu có mà ăn ở mọi rợ quá, làm hiền với nó sao được kia"*.

Uy quyền của giai cấp thống trị không thể áp đảo nổi tính thẳng thắn của người nông dân. Đối diện với Phạm Kỳ, Lê Văn Đốc chẳng hề sợ sệt, đã thốt ra những lời nào là *"ông là một ông quan bất nhơn"*, nào là *"sao ông tư vị nhà giàu ông không nói tới, lại theo bắt mà hại người đàn bà nghèo hèn bị tai nạn như vậy. Tôi nói cho ông biết, nếu ông bắt con này"*

thì tôi phải lên tỉnh mà cáo ông, vì tôi không đành để cho ông hại một người nghèo hèn vô tội" (Ngọn cỏ gió đùa). Tuy nhiên, bản chất cứng rắn của người nông dân đôi khi bị biến thành một "khí giới yếu" trong những tình huống cần sự dẻo dai, uyển chuyển hay khôn khéo. Hồ Biểu Chánh dường như cũng có ý định thể hiện điều này cho nên đã tạo dựng các chi tiết: Thị Tố (Con nhà nghèo) sau khi đến nhà bà Cai Hiếu nói rõ sự thật về chuyện xấu của cậu Hai Nghĩa thì mọi việc đã bị rối tung lên. Chị ta bị bắt đóng trướng 7 ngày, Cai tuần Bưởi phải van xin, cầu khẩn hết lời, cuối cùng cả nhà bị đuổi ra khỏi đất bà Cai... Hay Thủ Nghĩa nóng giận ra tay trừng trị Tấn Thân rồi thì phải nhận lấy án tù oan ức, gia đình khổ sở tan nát.

Câu nói mang vẻ yếm thế, đậm tính tiêu cực, thụ động của Cai tuần Bưởi không phải là hoàn toàn không có lí: "Nếu mà mình cứ ở trong nhà, mình đừng có nói tới ai hết thì ai mà bắt mình được." (Con nhà nghèo). Hồ Biểu Chánh đã để nhân vật nói đúng phần nào thực tế của cuộc sống. Nhưng quan điểm sống như thế thì khó được chấp nhận. Nhất là trong hoàn cảnh ngày nay, khi mà lịch sử đã chứng minh chỉ có đấu tranh chống áp bức bất công thì con người mới có thể đạt được hạnh phúc thật sự.

Bộc trực là đức tính có mặt tốt nhưng cũng có mặt hạn chế. Người bộc trực sẽ dễ đi đến thiếu cẩn trọng, kém tế nhị, không lường trước hậu quả của sự việc, cũng không tạo được sự áp đảo đối phương. Đối với một con người như cậu Hai Nghĩa mà Thị Tố đem sự thành thật và thẳng thắn để giải bày: "Từ hôm nó đẻ đến nay nó trông cậu nó khóc cặp mắt sưng chù vù. Một đêm chí sáng nó ôm con khóc hoài nên sinh bệnh thủy nữa. Cậu xuống mà coi tay chân mình mấy nó sưng híp. Ông thầy Hoàng ổng biểu đưa 20 đồng bạc đựng ổng làm một tể thuốc cho nó uống, mà nó có tiền đâu mà đưa. Cậu làm ơn đưa cho ít chục đồng đựng nó uống thuốc cậu Hai" thì kết quả Thị Tố không được toại nguyện còn bị xua đuổi, hăm he đủ điều. Cái tinh tế trong cách nhìn về cuộc sống và người đời của Hồ Biểu Chánh là ở đó. Ông luôn đặt vấn đề xã hội cũng như con người ở nhiều góc độ để xem xét, đánh giá. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh không có sự phê phán hay đề cao từ một phía.

2.4. Bình dị, hiền lành chất phác:

Người nông dân Nam bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là những con người mang vẻ "chân quê". Họ ăn mặc, sinh hoạt, nói năng đơn giản và cũng rất tự nhiên. Tự nhiên mà chân tình. Hồ Biểu Chánh tỏ ra có sự quan sát tỉ mỉ về cách ăn nếp ở của người nông dân. Ông chú ý miêu tả từ cái dáng vẻ bên ngoài qua lớp trang phục của từng loại người một. Nếu là một anh nông dân lam lũ, chăm làm, lại thật thà, quê mùa thì ắt hẳn không thể có loại trang phục nào khác hơn trang phục của anh Trần Văn Sửu: "Anh ta mặc một cái áo đen nhùn nhục, một cái quần rách lại đứt tả tơi, đầu bịt trùm một cái khăn rằn, miệng ngậm trầu một búng" (Cha con nghĩa nặng). Cuộc sống khó khăn, điều kiện vật chất thiếu thốn, lại biết "liệu cơm gắp mắm", người nông dân Nam bộ sống rất bình dị, không cầu kỳ kiêu cách, lại càng không xa hoa. Cái bình dị ấy thể hiện ngay trong cách ở, cách mặc và cả cách ăn của họ nữa. Đi đường xa xôi chỉ cần vài nắm cơm, đôi ba con mắm gói theo cũng đủ cho họ hoàn thành một chuyến đi của mình, đấy là

những chi tiết được nói đến trong Chúa tàu Kim Qui. Hay lúc làm đồng xa nhà cũng vậy, bữa cơm của họ thật đậm bạc, giản đơn. Hồ Biểu Chánh đã khéo léo đưa vào tác phẩm những chi tiết rất đời thường, đây là bữa ăn trưa của anh Sửu: "... *gặt hết một công rồi, anh ta leo lên bờ ngồi nghỉ và phân gói cơm ra mà ăn. Một tay thì cầm con mắm sặt, còn một tay thì bóc cơm nguội, trên đầu trời nắng, dưới chân lùm bùn, mà anh ta ăn cơm coi bộ ngon lắm. Ăn hết gói cơm, bèn bước lại cái vũng gân đó, bụm tay múc nước mà uống, rồi khoát mà rửa mặt ...*" (Cha con nghĩa nặng). Nông dân Nam bộ sống bình dị cho nên ít mơ ước cao xa, cũng chẳng có nhu cầu lớn lao cho cuộc sống. Hạnh phúc đối với họ là được cơm no, áo ấm, gia đình yên ổn. Đi thăm đồng về, thấy lúa tốt, anh cai tuần Bưởi phấn khởi trong lòng, niềm vui như đang dâng trào: "...*từ hồi ăn cơm chiều cho tới lúc đổ đèn, đi ra đi vô cứ nói:*" *vái trời mưa thuận gió may như vậy hoài cho tôi, thì tới mùa ruộng mình không mất 500 gạ lúa*". (Con nhà nghèo). Sự bình dị ở người nông dân Nam bộ còn được gọi lên ngay từ cái tên gọi: Ba Cam, Cai tuần Bưởi, Lựu, Ba Thời, Sửu, Cu, Mau, Chạm . . . Có cái gì đó vừa dân dã, vừa gắn bó với đời sống nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông nước phương Nam.

Nông dân Nam bộ thường đối đãi với nhau bằng tình làng nghĩa xóm thật cao đẹp. Ít biết lọc lừa, tính toán hay mưu lợi. Mà nếu có tính toán đi chẳng nữa thì đó cũng chỉ là sự tính toán thường tình của con người, ở đời ai cũng mong cái lợi cho mình! Điều đáng nói ở đây là nếu họ có tính toán thì cũng không làm hại người khác. Họ là những con người sống rất chân thật. Anh Cai tuần Bưởi (Con nhà nghèo) mong muốn em gái mình có được tấm chồng tử tế để nương thân, cũng suy tính rất nhiều. Nhưng cuối cùng đã thành thật nói cho Hương sự Cu biết rõ về việc cô em gái mình không còn trong trắng, khi Cu ngỡ ý muốn cưới cô Lựu. Dầu biết rằng như thế là thiệt thòi cho em mình.

Hồ Biểu Chánh nhận rõ bản tính hiền lành, thật thà của người nông dân Nam bộ. Ông đã viết về những con người giàu lòng vị tha, nhiều rộng lượng bao dung, có cốt cách hiền lành. Nông dân Nam bộ trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là những người ít để lòng chứa đựng sự hận thù cháy bỏng. Trong "Chúa tàu Kim Quy", một tác phẩm được mô phỏng từ truyện của Alexandre Dumas (père) (Le Com te de Monte Cristo), Thủ Nghĩa là nhân vật được Hồ Biểu Chánh phỏng theo nhân vật Dantes nhưng anh nông dân Thủ Nghĩa dù đã chịu nhiều oan ức, đắng cay cũng chỉ phiền muộn, xót xa, chứ không nung nấu chí báo thù trong suốt cả thời gian ngồi tù như Dantes. Để rồi đến lúc ra tù lập nên cả một kế hoạch báo thù thật sắc sảo. Thủ Nghĩa đã dễ dàng xóa thù quên hận, chỉ khắc dạ ghi tâm ân nghĩa của những người tốt và lo báo đáp sao cho thật vẹn toàn.

Qua cái nhìn của Hồ Biểu Chánh, có khi người nông dân Nam bộ hiền lành chất phác đến mức quá thiệt thà cho nên, không hiểu rõ lòng dạ kẻ nhà giàu gian ác. Họ cả tin, hi vọng vào lòng tốt của địa chủ. Anh Lê Văn Đốc, lúc túng quẫn đã từng *ngây thơ "đến nhà Bá hộ Cao mượn gạo về ăn đỡ"*. Anh Cai tuần Bưởi không nhận thấy tâm địa của nhà bà Cai, cứ nghĩ họ tốt bụng mà tha thứ cho vợ chồng mình. Do đó đã lạy tạ ơn họ

một cách thành thật đến đáng thương, trong khi chính họ là kẻ đã tạo ra bao sóng gió cho gia đình anh. Dù vô tình hay có chủ đích, khi nhà văn đưa những chi tiết trên vào tác phẩm, sẽ gọi cho người đọc cảm nhận tác giả có phần thương hại trước sự thiệt thà, ngây ngô của người nông dân. Đây là hạt sạn sót lại trong nồi cơm gạo mới thơm lừng. Nó không thể làm mất đi những giá trị vốn có của nồi cơm, nhưng khiến người ta thấy khó chịu khi cắn phải nó.

3. Kết luận:

Ở đầu thế kỷ XX, Hồ Biểu Chánh là người đi tiên phong trong việc đổi mới, đưa tiểu thuyết Việt Nam bước vào thời kỳ hiện đại. Ông đã ra sức cày xới, gieo trồng để biến "*cánh đồng văn chương chữ quốc ngữ*" Nam bộ hãy còn đang "*hoang hoá*" ấy trở nên xanh tốt, trù phú. Có thể nói rằng: đến thời điểm Hồ Biểu Chánh viết tiểu thuyết bằng văn xuôi quốc ngữ, chưa có nhà văn nào quan tâm đến cuộc sống đời thường, để phát hiện ra nhiều vẻ đẹp tính cách ở người nông dân Nam bộ như ông. Mặc dù còn hạn chế trong cái nhìn về người nông dân Nam bộ nhưng Hồ Biểu Chánh vẫn thể hiện được sự yêu thương, cảm thông và có phần trân trọng đối với người nông dân. Ông đã viết về họ bằng tất cả tấm lòng của một nhà văn đang có sự xoá dần khoảng cách giữa bậc trí thức cấp cao với quần chúng lao động nghèo khổ, "*nhịp đập trái tim của nhà văn dường như đã hòa nhịp với nhịp đập con tim của những người bị đọa đày, bất hạnh. Có thể coi ông là nhà văn của nông dân Nam bộ, của lòng mong muốn xác lập một mặt bằng nhân ái cho cuộc sống hàng ngày.*" (8, 10). Phải chăng, vì thế mà tác phẩm của Hồ Biểu Chánh tạo được tâm đón nhận rộng rãi và có sức sống lâu bền trong lòng công chúng bình dân.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Khuê (1974), *Chân dung Hồ Biểu Chánh*, Lửa thiêng, Sài Gòn.
2. Huỳnh Lúa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ*, NXB TP Hồ Chí Minh.
3. Sơn Nam (1984), *Đất Gia Định xưa*, NXB TP Hồ Chí Minh.
4. Huỳnh Thị Lan Phương (2006), *Đời sống văn hoá nông thôn Nam bộ trong một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh*, TC Văn học số 7, tr 36 –44.
5. Huỳnh Thị Lan Phương (2006), *Cái nhìn của Hồ Biểu Chánh về người nông dân Nam bộ*, (in trong *Bình luận văn học*, Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh), NXB Văn hoá Sài Gòn, 115-125.
6. Phan Quang (1985), *Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Cửu Long và Tp HCM.
7. Nguyễn Văn Nở (2005), *Môi trường tự nhiên, văn hoá và con người trong thành ngữ, tục ngữ Nam bộ*- Tạp chí "*Ngôn ngữ & Đời sống*", số 9 (119), 2005, tr 24- 28.
8. Trần Hữu Tá (1988), *Một vài cảm nghĩ nhân đọc lại tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh*, in trong "*Ngọn cỏ gió đùa*", NXB Tổng hợp Tiền Giang.
9. Lê Ngọc Trà (2005), *Lí luận và văn học*, NXB Trẻ.

